

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

**(Dự thảo lần thứ 1)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách  
Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện  
“Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào  
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,  
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.*

*Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày ....tháng... năm ....2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra số ..../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2022 của Ban Dân tộc và Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Có Quy định kèm theo*).

**Điều 2.** Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022-2025 đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày      tháng      năm 2022.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá X, Kỳ họp thứ năm, thông qua ngày ... tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng 7 năm 2022./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT, Đài PTTH&Báo BP;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO**

## **QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện “Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước” (sau đây viết tắt là *Chương trình*) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.

Vốn ngân sách nhà nước bao gồm vốn ngân sách trung ương phân bổ và vốn đối ứng của tỉnh (nếu có) để thực hiện chương trình.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình; cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

##### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và các địa phương, góp phần

đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là vùng khó khăn.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và phải đảm bảo theo quy định; mục tiêu, nhiệm vụ; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn khó khăn, giải quyết các vấn đề bức xúc nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn; phân bổ vốn đầu tư Chương trình bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

## Chương II

### Mục I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN

**Điều 4. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương.**

Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho các sở, ngành và các huyện thực hiện Chương trình được quy định chi tiết theo 10 dự án thành phần theo công chức chung như sau:

a. Tổng số vốn phân bổ cho địa phương thứ k ( $T_k$ ) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ( $V_{k,i}$ ) của địa phương đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i ( $i = \overline{1, n}$ )
- k là xã thứ k

b. Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$ : Vốn phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i cho địa phương thứ k.
- $X_{k,i}$ : Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của địa phương thứ k.
- $Q_i$ : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án thứ i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

$G_i$ : Vốn ngân sách để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i.

**Điều 5. Nội dung tiêu chí, số điểm áp dụng phân bổ nguồn vốn cụ thể của 10 dự án thành phần gồm:**

**1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở (xây dựng mới và sửa chữa nhà ở), đất sản xuất (chuyển đổi nghề, sinh kế tạo việc làm tăng thu nhập...), nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, phương tiện nghe – xem, xây dựng nhà vệ sinh, vay vốn phát triển sản xuất.**

*\* Không áp dụng tỷ lệ ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu 15% theo quy định tại Quyết định 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Ngân sách tỉnh bố trí đảm bảo thực hiện tích hợp, lồng ghép nguồn vốn Trung ương thực hiện nhiệm vụ mỗi năm giảm từ 1.000 hộ nghèo DTTS trở lên, theo mục tiêu của Chương trình hành động số 17-CTr/TU.*

**2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 10 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 10 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 500 triệu đồng được tính thêm 01 điểm	01
3	Mỗi dự án ở xã biên giới được tính thêm	5
	<b>Tổng cộng điểm</b>	<b><math>X_{k,i}</math></b>

**3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.**

**3.1. Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (vốn sự nghiệp)**

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	01	e	01 x e
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b><math>X_{k,i}</math></b>

**3.2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	5	b	5 x b
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b><math>A_{k,i}</math></b>

- Nhóm tiêu chí đối với xã DTTS và miền núi:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	xã vùng DTTS và miền núi	01	a	01 x a
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b><math>C_{k,i}</math></b>

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của địa phương thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

**4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**

**4.1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã ĐBKK, thôn ĐBKK

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	20	b	20 x b
3	Mỗi công trình CSHT: đường, công trình điện, xây cầu, xây trường, thủy lợi	50	c	50 x c
4	Cứ xây mới, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi hoặc các chợ vùng biên giới	50	d	44 x d
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>A<sub>k,i</sub></b>

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

. Tiêu chí xã ĐBKK

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Xã ĐBKK	10	a	10 x a
2	Xã an toàn khu	10	b	10 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>B<sub>k,i</sub></b>

**5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS và miền núi**



TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Nâng cấp các trường DTNT	100	a	100 x a
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng trường học vùng DTTS và MN	40	b	40 x b
3	Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	20	c	10 x c
4	Hỗ trợ kinh phí hàng năm cho HS, SV người DTTS	0,15	d	0,25 x d
5	Mỗi mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với địa phương gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả làm việc sau đào tạo	20	đ	20 x đ
6	Cứ mỗi người được Hỗ trợ học nghề	0,25	e	0,5 x e
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống các dân tộc	10	a	10 x a
2	Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống, XD sản phẩm phục vụ phát triển du lịch	20	b	20 x b
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa, loa truyền thanh xã/ thôn	12	c	12 x c
4	Hỗ trợ mua sắm bộ công, chiêng, nhạc cụ khác	05	d	05 x d
5	Mở lớp học nhạc cụ, dệt thổ cẩm	02	e	02 x e
6	Bảo tồn lễ hội văn hóa truyền thống của DTTS, duy trì hoạt động của câu lạc bộ	03	f	03 x f
7	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch và Hỗ trợ XD khu du lịch sinh thái rừng quốc gia BGM và khu bảo tồn	100	g	100 x g

	văn hóa Sóc Bom Bo			
8	Đầu tư bảo tồn làng, ấp văn hóa truyền thống DTTS	35	h	35 x h
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**7. Dự án 7 Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
4	Mỗi xã ATK	50	d	50 x d
	<b>Tổng cộng</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**8. Dự án 8 Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I ( <i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i> )	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III	2	b	2 x b
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**9. Dự án 9 Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù.**

**a. Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù**

*Triển khai, thực hiện đồng bộ trên địa bàn các xã, thôn có nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn (dân tộc S'tiêng).*

**b. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Triển khai, thực hiện đồng bộ trên địa bàn các xã, thôn có tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết.

**10. Dự án 10 Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình**

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	5	b	5 x b
3	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào DTTS	2	c	2 x c
	<b>Tổng cộng điểm</b>			<b>X<sub>k,i</sub></b>

**Mục 2**

**TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**Điều 6. Bố trí vốn đối ứng của địa phương**

Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh phải đối ứng tối thiểu bằng 15% trên tổng ngân sách Trung ương theo quy định để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.